

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2016

Tổng Giám đốc



Lê Mạnh Cường

Kế toán trưởng

A blue handwritten signature of Phạm Thị Hồng Nhung.

Phạm Thị Hồng Nhung

Hà Nội, tháng 7 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		278,616,056,226	254,326,853,278
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	169,531,855,047	149,754,819,697
1. Tiền	111		27,495,062,200	34,158,984,081
2. Các khoản tương đương tiền	112		142,036,792,847	115,595,835,616
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		90,118,154,979	75,021,485,398
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	75,922,372,099	62,327,916,098
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2,698,538,072	1,674,670,341
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	2,000,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	11,662,078,420	9,183,732,571
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(164,833,612)	(164,833,612)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		12,651,243,911	10,282,989,087
1. Hàng tồn kho	141	V.8	12,651,243,911	10,282,989,087
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,314,802,289	19,267,559,096
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1,004,437,001	816,250,020
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5,307,209,888	18,448,153,676
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	3,155,400	3,155,400
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		617,054,363,690	623,983,999,397
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1,849,858,123	1,836,908,123
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	1,849,858,123	1,836,908,123
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		562,828,615,319	585,167,342,985
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	559,639,316,564	581,907,401,154
<i>Nguyên giá</i>	222		785,198,481,037	771,093,778,489
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(225,559,164,473)	(189,186,377,335)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3,189,298,755	3,259,941,831
<i>Nguyên giá</i>	228		4,945,015,236	4,945,015,236
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,755,716,481)	(1,685,073,405)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	7,718,844,707	17,502,407,891
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		7,718,844,707	17,502,407,891
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		28,805,386,500	10,000,866,500
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	28,804,520,000	10,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	866,500	866,500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		15,851,659,041	9,476,473,898
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	15,851,659,041	9,476,473,898
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		895,670,419,916	878,310,852,675

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		351,593,548,787	370,686,683,742
I. Nợ ngắn hạn	310		143,143,777,888	137,753,043,896
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	42,135,070,606	33,899,264,669
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	582,364,888	383,606,600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	11,604,773,760	13,968,755,751
4. Phải trả người lao động	314		1,712,304,053	5,126,436,134
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	3,220,011,634	386,506,838
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	18,352,928,385	24,494,315,863
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	47,389,992,915	48,372,200,394
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	18,146,331,647	11,121,957,647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		208,449,770,899	232,933,639,846
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	90,604,520,000	90,604,520,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	117,845,250,899	142,329,119,846
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		544,076,871,129	507,624,168,933
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	544,076,871,129	507,624,168,933
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		231,962,320,000	231,962,320,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		231,962,320,000	231,962,320,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		58,788,380,922	58,788,380,922
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(2,571,030,000)	(2,571,030,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		131,730,070,809	82,722,070,809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		124,167,129,398	136,722,427,202
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		53,340,298,202	136,722,427,202
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		70,826,831,196	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		895,670,419,916	878,310,852,675

Lập, ngày 25 tháng 7 năm 2016

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Nhung

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

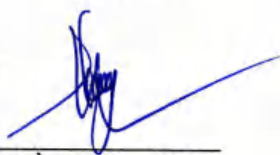
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầu đủ)

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

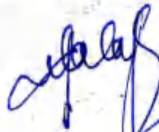
CHỈ TIÊU	Mã số	T. minh	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước	Đơn vị tính: VND	
					Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
					Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	92,446,765,807	90,643,288,029	194,587,968,956	189,189,759,914
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		92,446,765,807	90,643,288,029	194,587,968,956	189,189,759,914
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	52,874,646,031	46,261,514,681	112,384,550,280	102,527,299,511
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39,572,119,776	44,381,773,348	82,203,418,676	86,662,460,403
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4,230,376,153	4,496,278,148	6,923,851,216	7,353,556,234
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,112,967,129	2,965,898,335	2,328,029,749	5,509,557,862
Trong đó: chi phí lãi vay	23		972,464,094	1,626,472,168	2,036,194,743	2,837,221,946
8. Chi phí bán hàng	25					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	3,719,956,792	6,294,677,425	8,208,530,639	9,239,583,662
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		38,969,572,008	39,617,475,736	78,590,709,504	79,266,875,113
11. Thu nhập khác	31	VI.6	9,178,441	19,799,821	9,178,441	89,987,792
12. Chi phí khác	32	VI.7	35,803,769	3,507,349,416	37,179,592	3,507,909,416
13. Lợi nhuận khác	40		(26,625,328)	(3,487,549,595)	(28,001,151)	(3,417,921,624)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		38,942,946,680	36,129,926,141	78,562,708,353	75,848,953,489
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		4,142,630,136	2,690,788,542	7,735,877,157	5,817,988,398
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		34,800,316,544	33,439,137,599	70,826,831,196	70,030,965,091

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hảo

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Nhung



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	78,562,708,353	75,848,953,489
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	36,658,507,780	29,744,013,328
- Các khoản dự phòng	03 VI.5	-	488,716,084
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1,411,684,113)	2,112,803,156
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5,594,110,069)	(3,232,744,087)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	1,904,323,734	2,837,221,946
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	110,119,745,685	107,798,963,916
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2,032,897,310)	(4,743,911,085)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2,368,254,824)	2,728,091,880
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	18,793,182,500	22,247,250,408
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(6,563,372,124)	(8,923,317,920)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2,091,871,126)	(2,830,651,903)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.15	(15,665,009,824)	(2,200,000,000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.19	(4,410,626,000)	(1,815,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	95,780,896,977	112,261,425,296
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(15,979,196,609)	(1,514,551,468)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	9,178,441	1,681,818,182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2,000,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(18,804,520,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	3,196,610,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3,651,921,206	2,021,515,425
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(29,122,616,962)	5,385,392,139

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(23,986,296,977)	(39,546,265,421)		
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(22,856,669,000)	(23,441,869,000)		
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(46,842,965,977)</i>	<i>(62,988,134,421)</i>		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	19,815,314,038	54,658,683,014		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	149,754,819,697	70,148,304,209		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(38,278,688)	204,258,911		
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	<u>169,531,855,047</u>	<u>125,011,246,134</u>		

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Lập, ngày 25 tháng 7 năm 2016

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đĩnh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An ⁽ⁱ⁾	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đĩnh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	54,2%	57,75%

⁽ⁱ⁾ Công ty nắm giữ 50,5% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty TNHH Vận tải Container Hải An và 7,25% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là:

- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An, địa chỉ tại số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh tại Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu - Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An, địa chỉ tại Khu A, lô 17 Khu nhà ở Phú Mỹ, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo Công ty có 31 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 27 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi); tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: Nguyên vật liệu, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8-20
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-8

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Hội đồng quản trị có thẩm quyền tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	307,171,914	129,482,990
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27,187,890,286	34,029,501,091
Các khoản tương đương tiền	142,036,792,847	115,595,835,616
Cộng	169,531,855,047	149,754,819,697

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty là đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	28,804,520,000	-	28,804,520,000	10,000,000,000	-	10,000,000,000
Công ty TNHH Cảng Hải An(i)	10,000,000,000	-	10,000,000,000	10,000,000,000	-	10,000,000,000
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An(ii)	18,804,520,000	-	18,804,520,000	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	866,500	-	866,500	866,500	-	866,500
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải Công ty Cổ phần MHC	864,000	-	864,000	864,000	-	864,000
	2,500	-	2,500	2,500	-	2,500
Cộng	28,805,386,500	-	28,805,386,500	10,000,866,500	-	10,000,866,500

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0101126468 ngày 27 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Hải An là 10.000.000.000 VND. Công ty đã góp đủ 100% vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh..
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 0201655535 ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Container Hải An số tiền 101.000.000.000 VND, tương ứng 50,5% vốn điều lệ. Tại kỳ kết thúc báo cáo, số tiền còn phải góp vốn vào Công ty TNHH Vận tải Container Hải An là 82.195.480.000 VND.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giao dịch với công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Cảng Hải An		
Cung cấp dịch vụ khai thác cảng cho Cảng Hải An	27,281,804,072	11,862,535,820
Cảng Hải An cung cấp dịch vụ khai thác cảng	1,967,286,313	2,518,045,532
Cảng Hải An cung cấp dịch vụ khai thác tàu	12,750,239,501	8,073,918,413
Trả hộ Cảng Hải An chi phí lương, khác		58,000,000
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An		
Chuyển tiền góp vốn	18,804,520,000	

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	18,034,447,919	2,475,190,356
Công ty Cổ phần Transimex	1,390,200,000	584,400,000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Hà Nội	4,300,000	197,495,000
Công ty Cổ phần Hàng hải Macs	227,400,000	158,700,000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng hải Macs tại Hải Phòng	93,600,000	14,600,000
Công ty cổ phần Hải Minh	59,000,000	
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	61,274,563	142,358,413
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	439,901,550	1,141,878,593
Công ty TNHH Cảng Hải An	15,758,771,806	-
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		235,758,350
Phải thu các khách hàng khác	57,887,924,180	59,852,725,742

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi nhánh Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương tại Hải Phòng	10,424,415,481	9,377,071,190
Pendulum Express Lines Pte Ltd	4,412,612,907	5,761,835,539
Các khách hàng khác	43,050,895,792	44,713,819,013
Cộng	75,922,372,099	62,327,916,098

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	2,698,538,072	1,674,670,341
Công ty Cổ phần Bê tông Vinaconex Phan Vũ		1,364,220,000
Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Bắc	239,222,508	239,222,508
MAN DIESEL AND TURBO SINGAPORE PTE LTD	1,601,693,481	
Công ty CP du lịch và tiếp thị giao thông vận tải Việt Nam - Vietravel chi nhánh Hải Phòng	778,224,000	
Các nhà cung cấp khác	79,398,083	71,227,833
Cộng	2,698,538,072	1,674,670,341

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	2,000,000,000
Cho Công ty TNHH Vận tải Container Hải An vay	-	2,000,000,000
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	-
Cộng	-	2,000,000,000

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
	Giá trị		Giá trị	
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	9,698,116,013	-	7,742,465,850	-
Công ty TNHH Cảng Hải An - Lợi nhuận	9,698,116,013		7,742,465,850	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1,963,962,407	-	1,441,266,721	-
Doanh thu tạm tính chưa xuất hóa đơn	1,349,583,100		1,142,993,034	
Tiền lãi dự thu	226,480,306		189,435,354	
Ký cược, ký quỹ	108,970,005		102,705,000	
Tạm ứng	93,382,909			
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	185,546,087		6,133,333	
Cộng	11,662,078,420	-	9,183,732,571	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1,849,858,123	-	1,836,908,123	-
Ký cược, ký quỹ	1,849,858,123	-	1,836,908,123	-
Cộng	1,849,858,123	-	1,836,908,123	-

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	164,833,612	-	-	164,833,612	-
Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh – phải thu cung cấp dịch vụ	3 năm	65,089,486	-	3 năm	65,089,486	-
Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia – phải thu cung cấp dịch vụ	3 năm	99,744,126	-	3 năm	99,744,126	-
Cộng		164,833,612	-		164,833,612	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	164,833,612	-	164,833,612
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
Số cuối kỳ	164,833,612	-	164,833,612

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thiết bị, phụ tùng thay thế	53,181,820	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	12,598,062,091	-	10,282,989,087	-
Cộng	12,651,243,911	-	10,282,989,087	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm chờ phân bổ	865,664,676	794,857,901
Công cụ dụng cụ	138,772,325	21,392,119
Cộng	1,004,437,001	816,250,020

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa thiết bị	1,919,582,768	2,501,849,850
Chi phí lên đà tàu	13,597,508,157	6,940,067,232
Công cụ dụng cụ	334,568,116	34,556,816
Cộng	15,851,659,041	9,476,473,898

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	199,026,384,869	254,996,349,118	316,995,908,138	75,136,364	771,093,778,489
Mua sắm mới		14,342,419,855			14,342,419,855
Thanh lý, nhượng bán			(237,717,307)		(237,717,307)
Số cuối kỳ	199,026,384,869	269,338,768,973	316,758,190,831	75,136,364	785,198,481,037
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	457,605,455	160,905,076		33,500,000	652,010,531
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	67,985,169,866	91,252,831,603	29,902,153,640	46,222,226	189,186,377,335
Khấu hao trong kỳ	6,431,864,646	13,557,396,996	16,591,663,666	6,939,396	36,587,864,704
Thanh lý, nhượng bán			(215,077,566)		(215,077,566)
Số cuối kỳ	74,417,034,512	104,810,228,599	46,278,739,740	53,161,622	225,559,164,473
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	131,041,215,003	163,743,517,515	287,093,754,498	28,914,138	581,907,401,154
Số cuối kỳ	124,609,350,357	164,528,540,374	270,479,451,091	21,974,742	559,639,316,564

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất có thời hạn

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	4,945,015,236	1,685,073,405	3,259,941,831
Tăng trong kỳ		70,643,076	
Giảm trong kỳ			(70,643,076)
Số cuối kỳ	4,945,015,236	1,755,716,481	3,189,298,755

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	14,342,419,855	5,691,051,787	(14,342,419,855)	5,691,051,787
Xây dựng cơ bản dở dang	409,090,909	-	-	409,090,909
Sửa chữa lớn tài sản cố định	2,750,897,127	10,288,144,822	(11,420,339,938)	1,618,702,011
Cộng	17,502,407,891	15,979,196,609	(25,762,759,793)	7,718,844,707

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	4,067,941,855	422,949,905
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	820,670,720	227,554,205
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	499,612,200	163,935,700
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng		29,700,000
Công ty Cổ phần Transimex	15,035,000	1,760,000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	2,732,623,935	
Phải trả các nhà cung cấp khác	38,067,128,751	33,476,314,764
Công ty Liên doanh Phát triển tiếp vận số 1	9,245,964,184	8,357,137,092
South Horizons International Petroleum (S) Pte Ltd		7,634,737,981
BMS UNITED BUNKERS (ASIA) PTE LTD	11,791,394,381	
Công ty CP Hàng Hải Đông Đô	1,626,867,600	
Công ty CP TM và DV Vosco	2,251,002,875	
TRITON CONTAINER INTERNATIONAL LIMITED-COLLE	951,779,466	
Các nhà cung cấp khác	12,200,120,245	17,484,439,691
Cộng	42,135,070,606	33,899,264,669

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	-	26,900,000
Công ty Cổ phần Hải Minh		26,900,000
Trả trước của các khách hàng khác	582,364,888	356,706,600

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38,942,946,680	36,129,926,141
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(1,580,375,861)	959,403,932
- Các khoản điều chỉnh tăng	375,274,302	3,787,633,217
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1,955,650,163)	(2,828,229,285)
Thu nhập chịu thuế	37,362,570,819	37,089,330,073
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	37,362,570,819	37,089,330,073
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Trong đó:		
- Hoạt động khai thác cảng	25,511,561,729	32,169,788,668
- Hoạt động khai thác tàu	11,851,009,090	4,919,541,405
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>7,472,514,164</i>	<i>8,159,652,616</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	<i>(2,216,362,500)</i>	<i>(3,860,374,640)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	<i>(1,256,289,562)</i>	<i>(1,608,489,434)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	<i>3,999,862,102</i>	<i>2,690,788,542</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>142,768,034</i>	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	4,142,630,136	2,690,788,542
Thuế TNDN phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	2,613,401,669	1,442,897,133
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	6,756,031,805	4,133,685,675

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	3,220,011,634	386,506,838
Chi phí lãi vay phải trả	198,959,446	386,506,838
Sửa chữa kho bãi, nạo vét luồng	2,300,000,000	
Chi phí dịch vụ phải trả	721,052,188	
Cộng	3,220,011,634	386,506,838

17. Phải trả khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan về lãi hợp tác kinh doanh</i>	17,821,660,354	24,180,552,772
Công ty Cổ phần Transimex	6,474,115,747	8,313,405,995
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	4,856,436,434	6,236,149,932
Công ty Cổ phần MHC	1,967,723,367	3,555,106,308
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	2,851,329,715	3,972,922,696
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs	1,672,055,091	2,102,967,841
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	531,268,031	313,763,091
Kinh phí công đoàn, đảng phí	22,262,300	1,955,100
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	53,863,031	43,007,991
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	351,260,000	268,800,000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	103,882,700	
Cộng	18,352,928,385	24,494,315,863

17b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan về vốn hợp tác kinh doanh</i>	90,604,520,000	90,604,520,000
Công ty Cổ phần Transimex-SaiGon	32,915,900,000	32,915,900,000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	24,688,620,000	24,688,620,000
Công ty Cổ phần MHC	10,000,000,000	10,000,000,000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	14,500,000,000	14,500,000,000
Công ty Cổ phần Hàng hải Macs	8,500,000,000	8,500,000,000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	-
Cộng	90,604,520,000	90,604,520,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Vay và nợ thuê tài chính

18a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	1,142,320,325	1,142,320,325	1,742,320,325	1,742,320,325
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật hàng Hải (i)	1,142,320,325	1,142,320,325	1,742,320,325	1,742,320,325
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	46,247,672,590	46,247,672,590	46,629,880,069	46,629,880,069
Vay dài hạn đến hạn trả				
Ngân hàng Bảo Việt - Hội sở chính	12,422,187,440	12,422,187,440	12,510,540,270	12,510,540,270
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	25,285,602,000	25,285,602,000	25,506,264,000	25,506,264,000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	7,056,315,930	7,056,315,930	7,117,894,879	7,117,894,879
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1	1,483,567,220	1,483,567,220	1,495,180,920	1,495,180,920
Cộng	47,389,992,915	47,389,992,915	48,372,200,394	48,372,200,394

- (i) Khoản vay Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải theo hợp đồng số 01/HĐ ngày 05/1/2008 của Công ty Cổ phần Đóng tàu Hải An để phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo lãi suất cho vay của ngân hàng tại từng thời điểm, thời hạn vay 01 năm. Sau khi sáp nhập Công ty Cổ phần Đóng tàu Hải An, Công ty kế thừa lại khoản vay này.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Tăng/giảm khác do CLTG	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	1,742,320,325	-	-	(600,000,000)	1,142,320,325
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật hàng Hải (i)	1,742,320,325			(600,000,000)	1,142,320,325
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	46,629,880,069	23,319,955,015	(422,314,811)	(23,279,847,683)	46,247,672,590
Vay dài hạn đến hạn trả	46,629,880,069	23,319,955,015	(422,314,811)	(23,279,847,683)	46,247,672,590
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	12,510,540,270	6,206,107,440	(108,366,480)	(6,186,093,790)	12,422,187,440
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	25,506,264,000	12,843,906,000	(238,889,659)	(12,825,678,341)	25,285,602,000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	7,117,894,879	3,528,157,965	(62,368,423)	(3,527,368,491)	7,056,315,930
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1	1,495,180,920	741,783,610	(12,690,249)	(740,707,061)	1,483,567,220
Cộng	48,372,200,394	23,319,955,015	(422,314,811)	(23,879,847,683)	47,389,992,915

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</i>				
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>117,845,250,899</i>	<i>117,845,250,899</i>	<i>142,329,119,846</i>	<i>142,329,119,846</i>
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>				
<i>Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính (i)</i>	<i>24,844,531,360</i>	<i>24,844,531,360</i>	<i>31,258,939,150</i>	<i>31,258,939,150</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng (ii)</i>	<i>70,167,188,030</i>	<i>70,167,188,030</i>	<i>83,735,513,960</i>	<i>83,735,513,960</i>
<i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội (iii)</i>	<i>17,640,789,156</i>	<i>17,640,789,156</i>	<i>21,353,683,961</i>	<i>21,353,683,961</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1</i>	<i>5,192,742,353</i>	<i>5,192,742,353</i>	<i>5,980,982,775</i>	<i>5,980,982,775</i>
Cộng	117,845,250,899	117,845,250,899	142,329,119,846	142,329,119,846

(i) Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo Hợp đồng tín dụng doanh nghiệp số 251.2010.HỆTD ngày 20/05/2010, số tiền vay 6.000.000 USD, mục đích thanh toán L/C và nhập khẩu máy móc thiết bị cho dự án đầu tư xây dựng bến Container Hải An - Hải Phòng, thời hạn 72 tháng, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án.

Vay ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo Hợp đồng tín dụng số 0034.2014/HDDTD1/BVB-TTKD ngày 20/3/2014; số tiền 2.500.000 USD; mục đích bổ sung vốn mua tàu Container; thời hạn vay 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng; lãi suất 4,5%/năm tại thời điểm giải ngân. Định kỳ điều chỉnh lãi suất 3 tháng /lần, các kỳ sau điều chỉnh bằng lãi suất huy động USD 12 tháng trả sau do Bảo Việt Bank công bố cộng biên độ 3,25%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, 4 xe nâng hàng, 2 cần trục loại chân đế kiểu quay, tài sản trên đất là các công trình xây dựng thuộc dự án kinh doanh cảng Container Hải An.

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA02/2014/VCB-HA ngày 11/4/2014, số tiền vay: 2.000.000 USD, mục đích vay để mua 01 cần trục chân đế Kirow Ardelt GMBH, thời hạn vay 54 tháng, thời gian ân hạn: 6 tháng, lãi suất tính theo lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng USD loại lãi trả sau + lãi suất biên tối thiểu là 2,9%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay ngắn hạn USD tại thời điểm thay đổi lãi suất theo thông báo của Vietcombank trong từng thời kỳ, khoản vay được bảo đảm bằng tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có hệ thống 01 cần trục chân đế Kirow Ardelt GMBH.

Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng, theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA/2014/VCB-HA ngày 20/01/2014, số tiền vay: 442.000 USD, mục đích thanh toán tiền mua 2 xe nâng PPM Terex, thời gian ân hạn: 6 tháng, thời gian trả nợ gốc: 54 tháng theo lịch trả nợ kèm theo Hợp đồng, Lãi suất cho vay là lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng USD loại trả lãi sau+ lãi suất biên tối thiểu là 2,9%/năm, 3 tháng điều chỉnh 1 lần, khoản vay được bảo đảm bởi tài sản đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là hệ thống 02 xe nâng PPM Terex.

Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Hải Phòng, theo hợp đồng tín dụng số 2015/DA/HỆTD/VCB-HA ngày 22/9/2015, số tiền vay: 3.000.000 USD, mục đích vay để thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

toán chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) để thực hiện Dự án do bên vay làm chủ đầu tư, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn nợ gốc là 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn trả nợ là 57 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Lãi suất được xác định theo công thức: Năm đầu tiên áp dụng lãi suất cố định là 3,8 %/năm tính từ ngày giải ngân đầu tiên, những năm tiếp theo áp dụng lãi suất bằng lãi suất kỳ hạn Libor kỳ hạn 6 tháng + 3,5%/năm, sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng một lần và áp dụng cho toàn bộ số dư nợ gốc thực tế của Hợp đồng tín dụng. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là Tàu Container HAIAN TIME của Dự án.

- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng doanh nghiệp số 25-10.14/HĐTD/TPB.HTH ngày 16/10/2014, số tiền vay là 1.500.000 USD, mục đích mua con tàu HAI AN SONG, thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất áp dụng tại thời điểm nhận nợ, điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần và bằng Lãi suất tiết kiệm cá nhân 12 tháng trả lãi cuối kỳ đối với USD của TPBank tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ được quy định bởi TPBank tại từng thời kỳ theo đối tượng khách hàng, tương ứng thời điểm thay đổi lãi suất. Khoản vay được bảo đảm bằng Quyền mua bán tàu HAI AN SONG.
- (iv) Vay ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1 theo hợp đồng cấp tín dụng số 66755.15.002.2486868.TD ngày 25/10/2015, số tiền vay là 309.400 EURO, mục đích vay để thanh toán LC nhập khẩu 2 máy nâng container trục xoay, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay xác định bằng lãi suất tiết kiệm dân cư USD kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ 2%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng máy móc thiết bị gồm: 01 máy container trục xoay model: TEREX TFC45R, xuất xứ Pháp Series number: 175467, Sản xuất : 2009, nặng 45.000 kg và 01 máy container trục xoay model: DRF420 - 60S, xuất xứ Pháp Series number: A11300405, Sản xuất : 2010, nặng 42.000 kg.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối kỳ				
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính	37,266,718,800	12,422,187,440	24,844,531,360	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	95,452,790,030	25,285,602,000	70,167,188,030	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội	24,697,105,086	7,056,315,930	17,640,789,156	
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1	6,676,309,573	1,483,567,220	5,192,742,353	
Cộng	164,092,923,489	46,247,672,590	117,845,250,899	-
Số đầu năm				
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính	43,769,479,420	12,510,540,270	31,258,939,150	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	109,241,777,960	25,506,264,000	83,735,513,960	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội	28,471,578,840	7,117,894,879	21,353,683,961	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1	7,476,163,695	1,495,180,920	5,980,982,775	
Cộng	188,958,999,915	46,629,880,069	142,329,119,846	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm*	Tăng/giảm do chênh lệch tỷ giá	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính	31,258,939,150	(208,300,350)	(6,206,107,440)	24,844,531,360
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	83,735,513,960	(724,419,930)	(12,843,906,000)	70,167,188,030
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội	21,353,683,961	(184,736,840)	(3,528,157,965)	17,640,789,156
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1	5,980,982,775	(46,456,812)	(741,783,610)	5,192,742,353
Cộng	142,329,119,846	(1,163,913,932)	(23,319,955,015)	117,845,250,899

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	5,674,613,213	6,534,000,000	(1,745,626,000)	10,462,987,213
Quỹ Hội đồng quản trị	5,447,344,434	4,901,000,000	(2,665,000,000)	7,683,344,434
Cộng	11,121,957,647	11,435,000,000	(4,410,626,000)	18,146,331,647

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	231,962,320,000	58,788,380,922	(2,571,030,000)	45,931,070,809	91,202,175,376	425,312,917,107
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	163,361,226,216	163,361,226,216
Trích lập các quỹ	-	-	-	36,791,000,000	(45,375,000,000)	(8,584,000,000)
Chia lợi nhuận hoạt động BCC năm 2014	-	-	-	-	(3,648,587,390)	(3,648,587,390)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(68,817,387,000)	(68,817,387,000)
Số dư cuối năm trước	231,962,320,000	58,788,380,922	(2,571,030,000)	82,722,070,809	136,722,427,202	507,624,168,933
Số dư đầu năm nay	231,962,320,000	58,788,380,922	(2,571,030,000)	82,722,070,809	136,722,427,202	507,624,168,933
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	70,826,831,196	70,826,831,196
Trích lập các quỹ	-	-	-	49,008,000,000	(60,443,000,000)	(11,435,000,000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(22,939,129,000)	(22,939,129,000)
Số dư cuối kỳ nay	231,962,320,000	58,788,380,922	(2,571,030,000)	131,730,070,809	124,167,129,398	544,076,871,129

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23,196,232	23,196,232
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	23,196,232	23,196,232
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	23,196,232	23,196,232
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	257,103	257,103
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	257,103	257,103
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22,939,129	22,939,129
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	22,939,129	22,939,129
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	597,636.77	798,560.97
Euro (EUR)	40.54	46.02

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	36,800,400,476	48,224,873,402
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	55,646,365,331	42,418,414,627
Cộng	92,446,765,807	90,643,288,029

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	<u>Quý 2 Năm nay</u>	<u>Quý 2 Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	849,909,084	2,121,818,184
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs tại Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	19,545,455	21,090,910
Công ty Cổ phần Transimex		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	2,179,272,734	3,094,090,913
<i>Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Hà Nội</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	3,909,091	24,090,909
<i>Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải</i>		
Doanh thu về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác		1,681,818,182
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	762,545,460	1,725,545,455
<i>Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	4,695,838,246	3,642,016,173
<i>Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	54,671,399	168,930,092
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác cảng	22,696,275	242,676,720
<i>Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	194,090,912	89,547,500
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác cảng	374,281,524	3,606,713,608

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động khai thác cảng	11,328,778,974	9,577,207,050
Giá vốn hoạt động khai thác tàu	41,545,867,057	36,684,307,631
Cộng	52,874,646,031	46,261,514,681

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1,944,134,560	1,023,308,065
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	30,539,094	23,281,715
Lãi tiền cho vay	198,835,002	417,908,979
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1,955,650,163	2,460,024,848
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	101,217,334	571,754,541
Cộng	4,230,376,153	4,496,278,148

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	972,464,094	1,626,472,168
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	140,503,035	1,339,426,167
Cộng	1,112,967,129	2,965,898,335

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1,507,986,082	4,106,808,482

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí vật liệu quản lý	42,734,549	34,130,362
Chi phí đồ dùng văn phòng	125,841,335	156,009,665
Chi phí khấu hao tài sản cố định	231,709,722	134,206,638
Thuế, phí và lệ phí	7,995,000	90,000
Dự phòng phải thu khó đòi		488,716,084
Chi phí dịch vụ mua ngoài	385,287,855	639,944,424
Các chi phí khác	1,418,402,249	734,771,770
Cộng	3,719,956,792	6,294,677,425

6. Thu nhập khác

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	9,178,441	
Tiền bồi thường		3,017,733
Thu nhập khác		16,782,088
Cộng	9,178,441	19,799,821

7. Chi phí khác

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	3,506,062,916
Thuế bị phạt, bị truy thu	35,078,480	
Chi phí khác	725,289	1,286,500
Cộng	35,803,769	3,507,349,416

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1,183,507,700	1,989,667,746
Thù lao HĐQT	108,000,000	162,000,000
Cộng	1,291,507,700	2,151,667,746

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải biển Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs	Cổ đông, thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Hải Minh	Cổ đông, thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Transimex	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	Thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương	Thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs		
Trả cổ tức	1,031,250,000	1,031,250,000
Công ty Cổ phần Transimex		
Chia lợi nhuận tàu HAIAN PARK năm 2014		1,500,000,000
Trả cổ tức	5,491,250,000	5,656,250,000
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	21,563,183	4,695,453
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Hà Nội		
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu		329,500,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Cho vay		5,000,000,000
Thu tiền cho vay		5,000,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trả cổ tức	2,030,000,000	2,030,000,000
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	515,299,554	453,890,000
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác cảng	57,732,230	294,319,717
Công ty Cổ Phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải		
Trả gốc vay	300,000,000	300,000,000
Trả cổ tức	1,460,101,000	1,460,401,000
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	-	96,466,705
Công ty Cổ Phần Hải Minh		
Trả cổ tức	550,000,000	550,000,000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		
Chia lợi nhuận tàu HAIAN PARK năm 2014		750,000,000
Phải trả về mua nguyên vật liệu		2,316,511,890
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	6,545,891,055	15,345,913,648
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác cảng		1,058,182
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An		
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	498,840,809	654,050,000
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác cảng	22,552,000	
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		
Trả cổ tức	200,220,000	200,220,000
Chia lợi nhuận tàu HAIAN PARK năm 2014		1,500,000,000
Phải trả tiền vận chuyển		
Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương		
Trả cổ tức	866,880,000	750,000,000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh phần V.3, V.4, V.5, V.6, V.13, V.14, V.17, V.18.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Cộng
Lũy kế đến cuối kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	92,001,440,511	102,586,528,445	194,587,968,956
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	92,001,440,511	102,586,528,445	194,587,968,956
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	57,461,861,880	24,741,556,796	82,203,418,676
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(8,208,530,639)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			73,994,888,037
Doanh thu hoạt động tài chính			6,923,851,216
Chi phí tài chính			(2,328,029,749)
Thu nhập khác			9,178,441
Chi phí khác			(37,179,592)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(7,735,877,157)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			70,826,831,196
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	5,852,571,787	10,288,144,822	16,140,716,609
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	21,503,084,619	17,762,167,054	39,265,251,673
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)			
Lũy kế đến cuối kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	106,765,644,916	82,424,114,998	189,189,759,914
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	106,765,644,916	82,424,114,998	189,189,759,914
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	73,342,193,120	13,320,267,283	86,662,460,403
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(9,239,583,662)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			77,422,876,741
Doanh thu hoạt động tài chính			7,353,556,234
Chi phí tài chính			(5,509,557,862)
Thu nhập khác			89,987,792
Chi phí khác			(3,507,909,416)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(5,817,988,398)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			70,030,965,091
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			
	4,513,745,935	6,934,298,199	11,448,044,134
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			
	30,625,462,906	985,016,808	31,610,479,714

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	335,920,257,161	342,590,619,377	678,510,876,538
Tài sản phân bổ cho bộ phận			-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			217,159,543,378
Tổng tài sản			895,670,419,916
Nợ phải trả			
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	67,171,469,547	252,958,669,780	320,130,139,327
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			31,463,409,460
Tổng nợ phải trả			351,593,548,787
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	355,313,795,569	331,769,421,139	687,083,216,708
Tài sản phân bổ cho bộ phận			-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			191,227,635,967
Tổng tài sản			878,310,852,675
Nợ phải trả			
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	55,651,790,984	284,817,743,226	340,469,534,210
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận

30,217,149,532

Tổng nợ phải trả

370,686,683,742

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Các Sự kiện phát sinh sau kỳ báo cáo

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2016



Trần Thị Thanh Hảo
Người lập biểu



Phạm Thị Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Tạ Mạnh Cường
Tổng Giám đốc